TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L X** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 97/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/10/2018
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L X

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan

2. Ông Đặng Hữu Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L X: Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 316/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Số 64, khóm T, phường M, thành phố L X, tỉnh An Giang.

2/Bị đơn: Ông Đào Phước S, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 27, khóm H, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2018 và bản tự khai ngày 10/5/2018, tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Đào Phước S do mai mối. Hai bên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố L X, tỉnh An Giang ngày 27/6/2003. Sau khi kết hôn bà M và ông S chung sống tại gia đình bên chồng số 27, khóm H, phường M, thành phố L X, tỉnh An Giang. Đến năm 2014 thì ly thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông S không quan tâm đến gia đình và thường xuyên nhậu. Từ khi ly thân cho đến nay, bà M về nhà mẹ ruột sinh sống, ông S nhiều lần đến nhà mẹ ruột bà M để kiếm chuyện chưởi cả gia đình bên vợ nhưng gia đình tự dàn xếp nên chưa mời chính quyền địa phương can thiệp. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống không hạnh phúc nên bà Nguyễn Thị M yêu cầu được ly hôn với ông Đào Phước S.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Đào Phước S có 01 (một) con chung tên Đào Thị Huỳnh N, sinh ngày 14/11/2002. Nếu tòa án chấp nhận ly hôn, bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đào Thị Huỳnh N, sinh ngày 14/11/2002, không yêu cầu ông S cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: bà M trình bày không có.

* Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Đào Phước S không đến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của bà M.

- *Tại phiên tòa:*

Bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu được ly hôn ông S, yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con, bà xác định không có tài sản chung và nợ chung.

Ông Đào Phước S vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đào Phước S theo thủ tục chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L X phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Hội đồng xét xử tiến hành các thủ tục từ khi khai mạc phiên tòa cho đến phần tranh tụng tại phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử mặc dù tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông S đúng theo quy định. Do đó, ông S đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M do mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà M để đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho cháu N. Về cấp dưỡng nuôi con do bà M không có yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung nên ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Do ông S không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị M và ông Đào Phước S là tranh chấp yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố LX theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và tiến hành thu thập chứng cứ là biên bản xác minh tình trạng cư trú của bị đơn và được Công an phường M xác định ông Đào Phước S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 27 khóm H, phường M, thành phố L X, tỉnh An Giang, hiện nay ông vẫn còn đang sinh sống tại địa phương. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đào Phước S.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Đào Phước S kết hôn lần thứ nhất trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 27/6/2003 tại UBND phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo qui định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay vợ chồng bà M và ông S phát sinh mâu thuẫn, bà M xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp các qui định của pháp luật tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Bà M trình bày, giữa bà với ông S về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy, trong cuộc sống chung bà M và ông S đã có phát sinh mâu thuẫn một thời gian dài và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do ông S không chăm lo cho gia đình, thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp và không có tiếng nói chung. Năm 2014 bà ly thân cho đến nay. Do thời gian ly thân đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn.

[5] Ông Đào Phước S không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của bà M, cũng không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông đã từ chối quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bị đơn. Tại phiên tòa bà M vẫn kiên quyết ly hôn vì đã chịu đựng thời gian qua. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà M và ông S trong cuộc sống hôn nhân đã kéo dài một thời gian, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của bà M và ông S đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục di trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M.

[6] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Đào Phước S 01 (một) con chung tên Đào Thị Huỳnh N, sinh ngày 14/11/2002, lời khai của bà M phù hợp với giấy khai sinh số 412/2003, quyển số 03/2003 ngày 27/6/2003. Do thời gian qua bà M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử xét về quyền lợi mọi mặt của con và để ổn định về sinh hoạt, mặt tâm lý cho cháu Đào Thị Huỳnh N. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đào Thị Huỳnh N cho bà M được tiếp tục nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Do ông S không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này khi nào các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Đào Phước S.

[2] **Về quan hệ con chung**: Bà Nguyễn Thị M và ông Đào Phước S có 01 (một) con chung tên Đào Thị Huỳnh N, sinh ngày 14/11/2002.

Bà Nguyễn Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Đào Thị Huỳnh N, sinh ngày 14/11/2002.

Ông Đào Phước S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà M không có yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị M phải tạo điều kiện cho ông Đào Phước S thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

[3] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung**: Không xem xét.

[4] **Về án phí**: Bà Nguyễn Thị M phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008218, ngày 10/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

[5] **Về quyền kháng cáo**:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Đào Phước S được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang ;
- VKSND TP.L X;
- Chi cục THADS Tp.L X;
- UBND phường M,Tp.L X;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Huỳnh Bích Tuyền